

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi;
Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;
Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 4

“e) Phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 31 và Điều 44 của Luật Giá thuộc địa phương quản lý theo quy định về phân cấp quản lý tài sản công, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;”

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 8 Điều 7

“1. Giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;”

“8. Giá nhà để tính lệ phí trước bạ;”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 8

“b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh;

- Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh;

- Giá nhà để tính lệ phí trước bạ;

- Giá tính thuế tài nguyên khoáng sản.”

“2. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành, thị:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định: Giá các loại rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng thẩm định phương án giá do đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch sinh hoạt xây dựng áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Sở Xây dựng:

- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính: Giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi nhà nước thu hồi đất; giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực xây dựng;

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định phương án giá do đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch sinh hoạt xây dựng áp dụng cho các đối tượng sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính công bố giá vật liệu xây dựng theo định kỳ.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính: Bảng giá các loại đất; giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành; giá đất cụ thể phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh; giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được địa phương đặt hàng, hoặc giao kế hoạch thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

d) Sở Y tế:

Chủ trì xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế);

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính đối với giá dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí).

e) Sở Giao thông Vận tải:

Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính:

- Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ nguồn ngân sách của địa phương và Trung ương; giá

cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa;

- Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

- Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

- Giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

g) Sở Công Thương xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tài chính:

- Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

h) Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị: Khi có yêu cầu của UBND tỉnh, các sở, ngành chuyên môn thì UBND các huyện, thành, thị có trách nhiệm tham gia xây dựng, đề xuất phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá của UBND tỉnh quy định tại Điều 7 Quy định này.

i) Đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật; các loại hàng hóa, dịch vụ khác chưa có trong Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.”

4. Sửa đổi Điều 11

“Tài sản mà Nhà nước phải thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá. Trường hợp mua sắm tài sản Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017.

5. Bổ sung Mục 8. kê khai giá và Điều 17a. Kê khai giá vào Chương II như sau:

“MỤC 8. KÊ KHAI GIÁ

“Điều 17a. Kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, được sửa đổi, bổ

sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định hiện hành;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

e) Sách giáo khoa;

g) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

h) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định.

i) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định hiện hành;

k) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);

l) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Cơ quan thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá:

a) Sở Tài chính, các sở quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá theo quy trình quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 16 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và nội dung hướng dẫn tại Điều 15, Điều 17 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, k khoản 1 Điều này;

- Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm i khoản 1 Điều này;

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều này;

b) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với dịch vụ quy định tại điểm g khoản 1 Điều này;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, h, i, k khoản 1 Điều này trên địa bàn huyện (trừ những tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá ở Trung ương hoặc có tên trong danh sách theo Thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc công bố danh sách các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Phú Thọ).

d) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18

“1. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Quy định tại Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Website Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo Tin học – VP UBND tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, TH2 (H.110b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang